

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: GLYCEROL

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Glycerol
- Công thức phân tử:** C₃H₈O₃
- CAS:** 56-81-5
- Mã EC:** 200-289-5
- Tên khác:** Glycerin, 1,2,3-Propanetriol
- Sử dụng:** Chất giữ ẩm, dung môi, phụ gia thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm

Nhà cung cấp tại Việt Nam:

CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC MAI KHÔI

Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0314051291

SĐT khẩn cấp: 0909.907.861

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

Phân loại theo GHS:

- Không phân loại nguy hiểm (GHS)
- H317/H319/H335: Không áp dụng
- Chỉ cảnh báo: Tiếp xúc kéo dài có thể gây kích ứng da

Từ cảnh báo: KHÔNG NGUY HIỂM NẶNG

Câu phòng ngừa:

- P262: Tránh nuốt phải
- P264: Rửa tay sau khi sử dụng
- P270: Không ăn uống khi thao tác

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Nồng độ
Glycerol (C ₃ H ₈ O ₃)	56-81-5	≥ 96%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Không gây nguy hiểm, đưa ra nơi thoáng khí nếu cảm thấy khó chịu.
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước và xà phòng nếu bị dính nhiều.
- Tiếp xúc mắt:** Rửa bằng nước sạch nếu bị dính, thông thường không gây tổn thương nặng.
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, theo dõi y tế nếu cần.

Triệu chứng: Tiếp xúc da lâu dài có thể gây kích ứng nhẹ.

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bọt, bột khô, nước phun sương.
- Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm lỏng dễ cháy ở nhiệt độ cao (>177°C).
- Trang bị bảo hộ:** Găng tay, kính bảo hộ, áo chống cháy nếu thao tác gần lửa.

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Đeo bảo hộ khi tràn đổ.
- Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chảy ra cống rãnh hoặc nước.
- Thu gom:** Thấm hút bằng cát, đất hoặc vật liệu khô, đưa vào thùng chứa thích hợp.

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, mỹ phẩm, dược phẩm.
- Bảo quản:** Nơi khô, mát, kín, tránh ánh sáng trực tiếp.

- **Không tương thích:** Axit mạnh, kiềm mạnh, chất oxy hóa mạnh.

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm:** Không xác định (thường không cần).
- **Trang bị bảo hộ:**
 - Mắt: Kính bảo hộ
 - Da: Găng tay nitrile
 - Quần áo: Bảo hộ cơ bản phòng thí nghiệm

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Lỏng, nhớt
Màu sắc	Không màu
Mùi	Nhẹ, ngọt
Điểm sôi	290°C
Điểm chớp cháy	177°C
Tỷ trọng	1.26 g/cm ³ (20°C)
Tan trong nước	Hoàn toàn
pH (10% dung dịch)	~7

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện phòng.
- **Điều kiện tránh:** Nhiệt độ cao, lửa.
- **Chất không tương thích:** Axit mạnh, kiềm mạnh, chất oxy hóa mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** CO, CO₂, khói carbon nếu cháy.

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD₅₀ (chuột, uống):** 12,600 mg/kg (ít độc)
- **LC₅₀ (hít, chuột):** Không xác định
- **Tác hại:** Tiếp xúc lâu dài có thể gây kích ứng da, mắt; nuốt phải liều lớn có thể gây khó chịu đường tiêu hóa.

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Thấp, không gây hại môi trường.
- **Phân hủy sinh học:** Dễ phân hủy.
- **Tích lũy sinh học:** Không đáng kể.

MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Thu gom chất thải lỏng vào thùng chứa phù hợp.
- Xử lý theo quy định địa phương, tránh thải trực tiếp ra môi trường.

MỤC 14: VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không áp dụng (chất không nguy hiểm).
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng.
- **Nhãn nguy hiểm:** Không cần.

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- Tuân thủ TCVN 9487:2012, Nghị định 113/2017/NĐ-CP về quản lý hóa chất.

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- Ngày phát hành SDS: 15/10/2025

- **Tham khảo:** PubChem CID 753, Sigma-Aldrich SDS, GHS Purple Book.
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế